

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH GIA LAI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/DS-PT

Ngày 17/9/2024

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hà.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Chí Công và ông Lưu Anh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 115/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mộng H, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1935; địa chỉ: Tổ G, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1983; địa chỉ: K 67/9 N, Tổ E, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Thạch Anh K, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

8. Chị Nguyễn Thị Hồng V1, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Vương V2, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt.

10. Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

11. Anh Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

12. Anh Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

13. Ông Nguyễn Xuân P1, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn A, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Xuân P1: Bà Trương Thị P2 – Luật sư văn phòng L3 thuộc đoàn luật sư tỉnh G, địa chỉ: A Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa.

1.1. Nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V trình bày:

Cha anh V là ông Nguyễn Văn C1 (chết năm 2002), có một thửa đất diện tích 100m² đất ở, tại thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai, theo quyết định giao đất thổ cư số 1793/QĐ/UB ngày 24 tháng 6 năm 1994 của Ủy ban nhân dân huyện A (nay là thị xã A). Năm 2000, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ), thửa đất 37A, tờ bản đồ 34, diện tích 100m² đất ở lâu dài, ông C1 và bà vợ thứ nhất là Thạch Thị H2 đã xây dựng một căn nhà. Ông C1 chết không để lại di chúc cho ai được hưởng tài sản và cũng chưa chia tài sản cho ai. Ông C1 có vợ thứ nhất là bà Thạch Thị H2 (chết năm 2017) sinh được 7 người con gồm: Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Mộng H, Nguyễn Thị Hồng P, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn Thạch Anh K. Vợ thứ hai (là mẹ anh V) bà Hồ Thị L1 (chết năm 1998) sinh được 5 người con gồm: Nguyễn Thị Hồng V1, Nguyễn Quốc V, Nguyễn Vương V2, Nguyễn Minh C, Nguyễn Quang Đ. Vợ thứ ba là bà Ngô Thị H3 (đã chết) sinh được 1 người con là Nguyễn Quốc T1.

Sau khi ông C1 chết thì anh Nguyễn Mộng H do nợ nần nên có lấy giấy tờ đất của ông C1 đem bán cho ông Nguyễn Xuân P1 không có sự đồng ý của anh em trong gia đình. Khi gia đình cần làm giấy tờ thừa kế tài sản do ông C1 để lại thì mới biết sự việc. Giữa anh Nguyễn Mộng H và ông Nguyễn Xuân P1 mua bán tài sản thừa kế của ông C1 là trái pháp luật, cả hai đều sai nên anh H có trách nhiệm

trả lại tiền cho ông P1. Vì vậy, anh V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với tài sản của ông Nguyễn Văn C1 đã chết để lại cho các thừa kế, tài sản gồm: Căn nhà và đất có diện tích 100m² thuộc thửa đất số 37A, tờ bản đồ số 34 tại Thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai theo quy định của pháp luật. Đồng thời, yêu cầu tuyên bố “Giấy chuyển nhượng” ngày 10/4/2004 xác lập giữa anh Nguyễn Mộng H và ông Nguyễn Xuân P1 là vô hiệu và buộc ông Nguyễn Xuân P1 phải trả lại Giấy CNQSDĐ số R 892078 do UBND huyện A cấp ngày 26/6/2000 mang tên Nguyễn Văn C1.

1.2. Bị đơn anh Nguyễn Mộng H trình bày:

Anh H là con của ông Nguyễn Văn C1 và bà Thạch Thị H2 khi còn sống cha mẹ của anh có tạo lập được một căn nhà trên thửa đất diện tích 100m² tại thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Khoảng năm 2003, do không có tiền nên anh H tự ý bán cho ông Nguyễn Xuân P1, không có sự đồng ý của anh em trong gia đình. Nay, anh em trong nhà khởi kiện chia thừa kế di sản của cha và mẹ anh, nên anh H chấp nhận trả lại tiền cho ông P1. Cha mẹ anh H chết không để lại di chúc nên di sản của cha mẹ anh được chia theo pháp luật. Anh H thống nhất về những người được hưởng thừa kế theo đơn khởi kiện của anh V. Anh H đề nghị chia đều nhau cho những người được hưởng thừa kế theo pháp luật. Đối với yêu cầu tuyên bố “Giấy chuyển nhượng” ngày 10/4/2004 xác lập giữa anh và ông Nguyễn Xuân P1 vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Xuân P1 phải trả lại Giấy CNQSDĐ số R892078 do UBND huyện A cấp ngày 26/6/2000 mang tên Nguyễn Văn C1 thì anh đồng ý và sẽ có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Xuân P1 số tiền đã nhận.

1.3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Đỗ Thị H1, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị Hồng P, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn Thạch Anh K, Nguyễn Thị Hồng V1, Nguyễn Vương V2, Nguyễn Minh C, Nguyễn Quang Đ và Nguyễn Quốc T1 đều trình bày:

Các đương sự đều đồng ý với di sản thừa kế mà ông Nguyễn Văn C1 và bà Thạch Thị H2 đã để lại. Những người thừa kế theo pháp luật được hưởng di sản thừa kế như anh Nguyễn Quốc V đã trình bày. Các đương sự đều thống nhất chia di sản thừa kế theo pháp luật.

1.4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Xuân P1 trình bày:

Ngày 10/4/2004, anh Nguyễn Mộng H có bán cho ông thửa đất theo Giấy CNQSDĐ số R892078 do UBND huyện A cấp ngày 26/6/2000 của cha anh H là ông Nguyễn Văn C1 (đã chết). Ông P1 nhận thức được việc anh H tự chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông là sai quy định của pháp luật nhưng vì ông tin tưởng sau này bà H2 và các con sẽ đồng ý ký giấy tờ cho ông nên ông đồng ý mua với giá tiền 45.000.000 đồng và anh H đưa Giấy CNQSDĐ số R892078 cho ông giữ. Nay anh V khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và yêu cầu tuyên bố “Giấy chuyển nhượng” xác lập giữa ông và anh H vô hiệu, phải trả lại Giấy CNQSDĐ số R 892078 do UBND huyện A cấp ngày 26/6/2000 thì ông không đồng ý. Ông P1 cho rằng nếu anh H muốn nhận lại thì phải trả cho ông giá trị tương đương với 10 cây vàng. Trong vụ án này ông không có yêu cầu độc lập.

2. Giải quyết của tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Căn cứ vào khoản 3 và 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 165, 266, 273, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 131, 133, 136, 137, 400, 443, 444, 445, 678, 679, 691, 692, 693, 697 và Điều 707 của Bộ luật Dân sự năm 1995; các Điều 609, 612, 613, 623, 650, 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 31, 73 và Điều 75 của Luật Đất đai năm 1993; các Điều 99, 100 và 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 3 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế và yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu của nguyên đơn.

- Di sản của ông Nguyễn Văn C1 và bà Thạch Thị H2 để lại gồm: Thửa đất số 37a, tờ bản đồ số 34, diện tích 100m² đất ở và căn nhà gắn liền với đất, tại Thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số R 892078 do UBND huyện A (nay là thị xã A) cấp ngày 26/6/2000.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Nguyễn Văn C1 và bà Thạch Thị H2. Giá trị di sản là: 561.794.000 đồng (Năm trăm sáu mươi một triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Di sản của ông C1 và bà H2 chia làm 02 phần: 561.794.000 đồng/2 = 280.897.000 đồng.

+ Phần di sản của ông C1 được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C1 gồm 15 phần bằng nhau, cho bà Thạch Thị H2, bà Đỗ Thị H1, chị Nguyễn Thị Hồng L, anh Nguyễn Mộng H, chị Nguyễn Thị Hồng P, anh Nguyễn Quốc D, chị Nguyễn Thị Hồng N, chị Nguyễn Thị Hồng T, anh Nguyễn Thạch Anh K, chị Nguyễn Thị Hồng V1, anh Nguyễn Quốc V, anh Nguyễn Vương V2, anh Nguyễn Minh C, anh Nguyễn Quang Đ và anh Nguyễn Quốc T1. Mỗi phần được chia tương ứng với giá trị là 18.726.466 đồng (Mười tám triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

+ Phần di sản của bà H2 được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H2 gồm 7 phần bằng nhau, cho chị Nguyễn Thị Hồng L, anh Nguyễn Mộng H, chị Nguyễn Thị Hồng P, anh Nguyễn Quốc D, chị Nguyễn Thị Hồng N, chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Thạch Anh K. Mỗi phần được chia tương ứng với giá trị là 42.803.352 đồng (Bốn mươi hai triệu tám trăm lẻ ba nghìn ba trăm năm mươi hai đồng).

- Giao cho anh Nguyễn Quốc V được quyền sử dụng diện tích đất và căn nhà trên đất ở tại Thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai thuộc thửa đất số 37a, tờ bản đồ số 34, có vị trí kích thước như sau: Phía Đông giáp đường liên xã, cách tim đường 15m, có kích thước 13,85m; phía Tây giáp đất lâm trường có kích thước 10,48m + 1,96m; phía Nam giáp Lô 37b (của bà N, nay là ông P1 đang sử dụng), có kích thước 9,16m + 2,3m + 30,55m; phía Bắc giáp đất lâm trường có kích thước 24,36m + 15,29m. Tổng diện tích đất: 573m² (có sơ đồ kèm theo). Anh Nguyễn Quốc V có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, kê khai đối với diện tích đất nhiều hơn trong giấy chứng nhận để được cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định.

- Buộc anh Nguyễn Quốc V phải thanh toán lại cho bà Đỗ Thị H1 số tiền là 18.726.466 đồng, chị Nguyễn Thị Hồng L số tiền là 61.529.818 đồng, anh Nguyễn Mộng H số tiền là 61.529.818 đồng, chị Nguyễn Thị Hồng P số tiền là 61.529.818 đồng, anh Nguyễn Quốc D số tiền là 61.529.818 đồng, chị Nguyễn Thị Hồng N số tiền là 61.529.818 đồng, chị Nguyễn Thị Hồng T số tiền là 61.529.818 đồng, anh Nguyễn Thạch A Khoa số tiền là 61.529.818 đồng. Thanh toán cho chị Nguyễn Thị Hồng V1, anh Nguyễn Vương V2, anh Nguyễn Minh C, anh Nguyễn Quang Đ và anh Nguyễn Quốc T1, mỗi người số tiền là 18.726.466 đồng.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo “Giấy chuyển nhượng” viết tay ngày 10/4/2004 giữa anh Nguyễn Mộng H và ông Nguyễn Xuân P1 là vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Xuân P1 phải trả lại Giấy CNQSDĐ số R 892078 do UBND huyện A cấp ngày 26/6/2000 mang tên Nguyễn Văn C1, thuộc thửa đất số 37a, tờ bản đồ số 34 ở tại Thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai cho anh Nguyễn Quốc V.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, thông báo quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

3. Về kháng cáo, kháng nghị:

Ngày 27/5/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Xuân P1 có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 20/2024/DSST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

Ngày 30/7/2024 ông P1 kháng cáo bổ sung đề nghị xem xét các nội dung:

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ tài sản là căn nhà hoàn toàn do vợ chồng ông P1 xây dựng và sửa chữa như tường, giếng... và vợ chồng ông đã sử dụng ổn định từ năm 2006 đến nay, nhưng đem phân chia cho các đồng thừa kế là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông. Căn nhà đang tranh chấp hiện ông đang thế chấp tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh G phòng G1, cấp sơ thẩm không đưa ngân hàng vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng.

- Không đưa vợ ông là bà Đỗ Thị L2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Đối với phần diện tích 473m² do ông khai hoang thêm nhưng cấp sơ thẩm không xem xét, xác minh nhưng đã tiến hành chia luôn phần đất trên cho các thừa kế là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông.

- Ông là người thứ ba mua thửa đất ngay tình nên ông yêu cầu được pháp luật bảo vệ.

- Nguyên đơn, bị đơn không kháng cáo.

- Bản án không bị kháng nghị.

4. Diễn biến tại phiên tòa:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

- Bị đơn không kháng cáo.

- Nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số 20/2024/DSST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn trình bày nhà khi ông C1 còn sống mà ông H chuyển nhượng cho ông P1 là nhà do ông C1 xây dựng có trụ gỗ to, tường xây gạch, ông P1 chỉ là người mua và sửa sang lại. Việc mua bán giữa ông H và ông P1 là không đúng quy định pháp luật nên việc xây dựng nhà của ông P1 cũng không đúng quy định.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân P1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 20/2024/DSST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Vì lý do Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ tài sản là căn nhà do vợ chồng ông xây dựng và sử dụng ổn định từ năm 2006 đến nay, nhưng đem phân chia cho các đồng thừa kế là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Không đưa vợ ông là bà Đỗ Thị L2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Phần diện tích 473m² do ông khai hoang nhưng cấp sơ thẩm không xem xét đã chia luôn phần đất trên cho các thừa kế. Ông là người thứ ba ngay tình nên yêu cầu được pháp luật bảo vệ.

- Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

5. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa điều hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Do Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm trong việc xác định di sản để chia thừa kế. Đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền về việc chia thừa kế là đúng theo quy định.

Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2023 của ông Nguyễn Quốc V (BL01) và tại thông báo về việc thụ lý vụ án số 79/TB-TLVA ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê (BL41) đều xác định nguyên đơn ông Nguyễn Quốc V yêu cầu: Chia thừa kế đối với tài sản của ông Nguyễn Văn C1 tại thửa đất số 37a, tờ bản đồ số 34, diện tích 100m² đất ở và căn nhà gắn liền với đất, tại thôn T, xã S, thị xã A,

tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận QSDĐ số R892078 do UBND huyện A (nay là thị xã A) cấp ngày 26/6/2000.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm ngoài chia di sản thừa kế do ông C1 để lại, còn chia cả phần di sản của bà H2, đồng thời quyết định giao cho anh V được quyền sử dụng diện tích đất 573m² và căn nhà trên đất diện tích 140,7m² là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn. Đây là việc vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng của cấp sơ thẩm.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn C1 chết năm 2002 và không để lại di chúc. Các đương sự đều thừa nhận di sản là ông C1 để lại là một phần tài sản chung của ông và vợ là bà Thạch Thị H2 (đã chết năm 2017), là quyền sử dụng thửa đất số 37A, tờ bản đồ 34, diện tích 100m², tại thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai, được Ủy ban nhân dân huyện A (nay là thị xã A) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 892078 ngày 26/6/2000 cho người sử dụng ông Nguyễn Văn C1 nên đây là tình tiết không phải chứng minh.

Tuy nhiên, việc thu thập tài liệu, chứng cứ và giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đầy đủ, không phù hợp với tình tiết khách quan, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự do vậy việc đưa ra quyết định sau cùng chưa đúng đắn, cụ thể như sau:

Thửa đất số 37A, tờ bản đồ 34 có diện tích theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trích lục thửa đất là 100m² (10mx10m) (BL 121-124), quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định thửa đất có diện tích hiện trạng lớn hơn so với phần diện tích đất được cấp giấy chứng nhận. Tuy nhiên không thu thập tài liệu, chứng cứ xác định phần diện tích đất vượt quá 473m² có thuộc đất quy hoạch hay không? Có thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không? Có tranh chấp với các hộ lân cận hay không? là có thiếu sót. Thiết sót này nếu không giải quyết thì tiềm ẩn phát sinh khả năng không thi hành án được, ảnh hưởng đến chính sách của quản lý của nhà nước về đất đai và gây ảnh hưởng nhất định về tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Đối với công trình là nhà ở cấp 4 được xây dựng có diện tích 140,7m² lớn hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ công trình này được xây dựng có hợp pháp không. Phần diện tích 40,7m² nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thuộc quản lý, sử dụng của ai, cấp sơ thẩm quyết định giao cho nguyên đơn anh V được quyền sử dụng căn nhà trên là chưa có căn cứ pháp lý, là thiếu sót và khả năng thi hành án sẽ phát sinh ra các tranh chấp, khiếu nại về sau.

Trong giai đoạn phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã tiến hành xác minh, thu thập thêm chứng cứ như sau: Tại biên bản xác minh ngày 20/8/2024 theo cung cấp thông tin của ông Nguyễn Hữu P3 (thôn trưởng xã S) và ông Phan Thanh T2 (Cán bộ địa chính xã S) xác định phần diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (phần nằm ngoài diện tích 100m² đã được cấp) thuộc sự quản lý, sử dụng của Ban Q những vấn đề này anh Phan Thanh T2 có ý kiến đề nghị Tòa tiếp tục thu thập chứng cứ xác minh làm rõ vấn đề này. Ngoài ra, trước năm 2004 tài sản trên thửa đất 37A, tờ bản đồ 34 theo như lời trình bày của ông P3

là căn nhà gỗ của ông C1, sau khi ông P1 nhận chuyển nhượng đã tháo dỡ và xây dựng nhà cấp 4, xung quanh có xây tường gạch kiên cố và ông P1 có ở tại ngôi nhà này một thời gian, sau đó có cho người khác vào ở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn cũng xác định căn nhà trên trước là của ông C1 nhưng sau khi chuyển nhượng thì ông P1 có sửa chữa nhưng vẫn cho rằng do ông C1 xây dựng từ trước, có cột bằng gỗ và tường xây bằng gạch. Những lời khai mâu thuẫn về nguồn gốc và giá trị tài sản trên đất. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ vấn đề này, không thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định ông P1 có phải là người tạo lập tài sản là căn nhà hiện tại hay không mà quyết định phân chia tài sản này và giao cho nguyên đơn được quyền sử dụng là chưa đảm bảo, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự khác trong đó có ông P1.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa xem xét đánh giá đầy đủ chứng cứ, chưa giải quyết toàn diện vụ án. Mặc dù, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành khắc phục một số vi phạm tố tụng nhưng không thể bổ sung được toàn bộ các vấn đề để giải quyết nội dung vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại thu thập chứng cứ một cách toàn diện và khách quan để giải quyết vụ án và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 3 điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban T3 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân P1.

2. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân P1 không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Xuân P1 số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013104 ngày 07/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND thị xã An Khê;
- VKSND thị xã An Khê;
- Chi cục THA dân sự thị xã An Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Toà DS, VT.

Lê Văn Hà